

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **423/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 05-11-2018

V/v “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Diễn – Cán bộ hưu trí.

Ông Huỳnh Thế Cần – Nơi công tác: Bí thư đoàn phường Thống Nhất, thành phố B.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 2443/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 701/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: ấp W, xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Hữu Đ**, sinh năm 1962.

Hộ khẩu thường trú: khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: 19/1A, Tổ 4, khu phố 2 (nay là khu phố 2A), phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà M có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2017, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Trần Hữu Đ xây dựng gia đình năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đã được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 8 năm 2004.

Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm đến nhau. Tháng 8 năm 2017 bà và ông Trần Hữu Đ không quan tâm đến nhau sống ly thân cho đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà xin được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

Về quan hệ con chung: Quá trình vợ chồng chung sống bà và ông Trần Hữu Đ có 01 con chung cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006. Ly hôn, bà xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006, bà không yêu cầu ông Trần Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Trần Hữu Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Hữu Đ: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ có 01 con chung cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006. Từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay cháu Trần Kim H sinh sống với Bà M, nguyện vọng của cháu Trần Kim H muốn ở với mẹ là bà Nguyễn Thị M, ly hôn bà Nguyễn Thị M xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006, Bà M không yêu cầu

ông Trần Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Nên giao con chung cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Trần Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Theo bà Nguyễn Thị M trình bày Bà M và ông Trần Hữu Đ tự thỏa thuận nhưng do ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Theo bà Nguyễn Thị M trình bày Bà M và ông Trần Hữu Đ không có nợ chung nhưng do ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16/10/2018 bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành thủ tục niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trần Hữu Đ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần Hữu Đ vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân thành phố B để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hữu Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04 tháng 8 năm 2004 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị M trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm đến nhau, bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ sống ly thân từ tháng 8 năm 2017 cho đến nay. Bà Nguyễn Thị M xin ly hôn ông Trần Hữu Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 11/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B: Cảnh sát khu vực khu phố 2A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cung cấp ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1962 hiện đang sinh sống tại địa chỉ: 19/1A, tổ 4, khu phố 2 (nay là khu phố 2A), phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Tại biên bản xác minh ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B: Phó trưởng khu phố 2A, phường T, thành phố B cung cấp bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978 và ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1962 sinh sống tại địa chỉ: 19/1A, tổ 4, khu phố 2 (nay là khu phố 2A), phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai từ năm 2005. Mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ địa phương không nắm rõ. Đầu năm 2017 bà Nguyễn Thị M dẫn con chung về huyện Trảng Bom sinh sống, ông Trần Hữu Đ vẫn sinh sống tại địa chỉ: 19/1A, tổ 4, khu phố 2 (nay là khu phố 2A), phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Về quan hệ con chung bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ có 01 con chung cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006, hiện cháu Trần Kim H đang sinh sống cùng bà Nguyễn Thị M. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: địa phương không nắm. Nay bà Nguyễn Thị M xin ly hôn ông Trần Hữu Đ địa phương không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ đã xảy ra, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cho bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ có con chung cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006. Bà Nguyễn Thị M có nguyện vọng nuôi cháu Trần Kim H, Bà M không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại bản tự khai ngày 27/4/2018 cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006 có nguyện vọng sống với bà Nguyễn Thị M. Vì vậy, giao cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Trần Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông Trần Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Hữu Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Theo bà Nguyễn Thị M trình bày Bà M và ông Trần Hữu Đ tự thỏa thuận về tài sản chung nhưng do ông Trần Hữu Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Theo bà Nguyễn Thị M trình bày Bà M và ông Trần Hữu Đ không có nợ chung nhưng do ông Trần Hữu Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của bà Nguyễn Thị M là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 203, 220, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M đối với ông Trần Hữu Đ về việc “Xin ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Hữu Đ.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ có 01 con chung cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006.

Giao cháu Trần Kim H, sinh ngày 05/01/2006 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Trần Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Hữu Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị M nộp theo biên lai số 003325 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hữu Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- THA TP. B (2);
- VKSND TP. B (2);
- Đường sự (2);
- UBND phường Q, TP. B,
tỉnh Đồng Nai (số: 129/2004);

Trần Thị Kim Dung

